TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-PT
Ngày 07 - 6 - 2022
V/v tranh chấp yêu cầu chia thừa kế và xác định quyền sở hữu về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2022, về việc tranh chấp yêu cầu chia thừa kế và xác định quyền sở hữu về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1959 (có mặt).

Bà Lê Thị Q, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Q: Bà Lê Thị D, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết C là Luật sư Công ty luật L (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn U, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Ông Nguyễn Viết C là Luật sư Công ty luật L (có mặt).

3.2. Bà Lê Thị Q, sinh năm 1952. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3.3. Bà Lê Thị N, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

3.4. Ông Lê Văn S, sinh năm 1956. Địa chỉ: Tổ 2, ấp 2, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

3.5. Bà Lê Thị Q, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ 2, ấp 2, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.6. Ông Lê Văn M, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.7. Bà Lê Thị H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ 3, ấp 1, xã M, huyện V, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.8. Bà Lê Thị N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3.9. Bà Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3.10. Anh Lê Tường L, sinh năm 2006. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3.11. Chị Lê Thị Tường V, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh L, chị V: Ông Lê Văn U, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Đồng nguyên đơn bà Lê Thị D, bà Lê Thị Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2016 và lời trình bày của nguyên đơn: Cha mẹ các bà là cụ Lê Văn G (chết không nhớ thời gian) và cụ Nguyễn Thị H (chết năm 2009) có tổng cộng 11 người con chung gồm Lê Ngọc T, Lê Thị Q, Lê Thị N, Lê Thị D, Lê Văn S, Lê Thị Q, Lê Văn M, Lê Thị H, Lê Thị N, Lê Thị Q, Lê Văn U, Lê Thị H (chết không chồng, con), ngoài ra cụ G và cụ H không còn con riêng và con nuôi nào khác.

Khi còn sống, cụ G và cụ H có cho ông Lê Ngọc T, Lê Văn S, Lê Văn M, Lê Thị D, Lê Thị Q, Lê Văn U mỗi người 02 công tầm cấy đất ruộng, còn lại 05 công

đất ruộng và hơn 02 công đất vườn tạp. Khi cụ H chết có để lại di chúc ngày 22/5/2001, cho các bà 01 ha đất nông nghiệp, một phần đất vườn tạp trên đó có một căn nhà ông U đang ở. Bà cũng không biết tờ di chúc lập ngày 22/5/2001 do ai viết nhưng chỉ nghe nói lại là cụ H mượn thầy giáo tên C (không biết địa chỉ cụ thể hiện nay ở đâu) viết. Nay bà D, bà Q yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Thị H để lại, nếu trong trường hợp di chúc không hợp pháp thì yêu cầu chia tài sản chung trong hộ gia đình và chia thừa kế theo pháp luật đối với phần tài sản của cụ H.

Bị đơn ông Lê Văn U, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Tường L và chị Lê Thị Tường V trình bày: Ông U thống nhất với lời trình bày của bà D, bà Q về thời gian cha mẹ ông chết, về con của cụ G và cụ H. Ông ở chung với cha mẹ từ nhỏ, đến năm 2000 ông có bất đồng quan điểm với mẹ (bà H) nên ông bỏ nhà đi. Khoảng năm 2005, do mẹ ông bị bệnh nên bà Lê Thị N, ông Lê Văn M kêu ông về chăm sóc phụng dưỡng cho mẹ. Do lúc này mẹ ông bị bệnh, mẹ ông có cố cho bà Lê Thị D 03 công đất với giá 5.000.000 đồng, sau đó thì bà Lê Thị N đã chuộc lại đất và cho ông thuê lại canh tác với giá 10 giạ lúa/năm. Khi mẹ ông bị bệnh thì vợ chồng ông là người trực tiếp chăm sóc phụng dưỡng. Do là con út ở nhà nên vài năm sau ông cũng đã bỏ ra số tiền 5.000.000 đồng đưa cho bà N chuộc lại 03 công đất trên để canh tác sử dụng đến nay. Đối với phần đất vườn tạp hơn 02 công tầm cấy trồng dừa, tràm và cây bình bát, có căn nhà trên đất thì vào khoảng năm 2010 ông thuê xe cuốc, sau đó thuê xe ủi của anh La Văn L cuốc và ủi san lấp toàn bộ trong nhiều năm. Năm đầu tiên là cuốc trị giá 30.000.000 đồng, năm thứ hai là ủi đất và sau đó gia đình bỏ công bồi đắp thêm dần cho đất bằng phẳng như hiện nay với tổng số tiền là 45.000.000 đồng. Nay với yêu cầu của đồng nguyên đơn thì ông yêu cầu chia đất tranh chấp cho các thành viên trong hộ cụ H (phần đất tranh chấp cấp cho hộ bà Nguyễn Thị H ngày 20/12/1999); sau khi chia cho các thành viên trong hộ gia đình cụ H thì phần di sản còn lại ông yêu cầu chia theo pháp luật; đồng thời ông yêu cầu những người hưởng di sản trả lại số tiền mà ông đã bỏ ra để cải tạo bồi đắp vườn tạp, công bồi đắp là 45.000.000 đồng, tiền chuộc đất 5.000.000 đồng. Ngoài ra, trên phần đất ông có trồng 16 cây mít, 05 cây xoài, 01 cây chanh, 04 cây cóc, 03 cây cao kiểng, 03 cây dừa, 03 cây mai lớn và 06 cây mai nhỏ. Khi Tòa án giải quyết cho ai hưởng thì phải có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng cho ông. Đối với căn nhà và các tài sản cụ H để lại ông U không có yêu cầu sử dụng mà khi Tòa án quyết định chia phần đất cho ai có gắn liền với căn nhà thì người đó sử dụng và ông đồng ý giao lại căn nhà và các vật dụng của cụ H để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Hồng T trình bày: Bà T thống nhất theo trình bày của ông Lê Văn U, ngoài ra bà không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc T trình bày: Ông yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H chết để lại theo quy định pháp luật. Ngoài ra, ông yêu cầu ông U trả lại phần đất đường nước theo đo đạc thực tế là 458,5m^2 (đường nước công cộng sử dụng chung) mà ông U khi ủi đất vườn đã lấp lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N trình bày: Bà yêu cầu bà Lê Thị D và bà Lê Thị Q để lại di sản thừa kế cho ông Lê Văn U sử dụng để thờ cúng cha mẹ, ngoài ra bà không có ý kiến trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Q, ông Lê Văn S, bà Lê Thị Q, ông Lê Văn M trình bày: Thống nhất về thời gian cụ G và cụ H chết. Khi cụ G và cụ H chết có để lại di sản là phần đất qua đo đạc thực tế là 15.207m^2 và 01 căn nhà, các tủ, bàn đã cũ, hiện nay ông U đang quản lý, sử dụng. Các ông bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H chết để lại theo di chúc. Trường hợp Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật thì các ông bà yêu cầu được chia phần di sản được hưởng, ngoài ra không còn trình bày ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H, bà Lê Thị N trình bày: Thống nhất cụ G và cụ H có tổng cộng 12 người con và khi cha mẹ chết để lại di sản là phần đất ông U đang quản lý sử dụng. Khi cha mẹ còn sống thì đã chia đất cho một số anh em trong gia đình, tuy nhiên hai bà và ông U chưa được tách cho riêng. Do phần đất này cấp cho hộ gia đình mà các bà là thành viên trong hộ. Vì vậy, bà N và bà H yêu cầu được chia phần đất được hưởng trong hộ và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D, bà Lê Thị Q đối với ông Lê Văn U.

2. Chia cho bà Lê Thị D diện tích 418m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở, diện tích còn lại 368m^2 đất lập vườn) có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất ông U có số đo 7,84m;

Hướng Tây giáp lộ có số đo 7,66m;

Hướng Nam giáp với đất của bà H có số đo 54,73m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của bà D có số đo 54,74m; tại thửa số 02, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

Phần đất trồng lúa: Diện tích 2.087,56m^2, đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất bà H có số đo 26,29m;

Hướng Tây giáp với phần đất bà N, bà H, bà Hoa có số đo 27,25m;

Hướng Nam giáp với đất ông Mùi có số đo 87,74m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông U có số đo 83,72m; tại thửa số 03, 04 tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

3. Chia bà Lê Thị Q diện tích 418m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở, diện tích còn lại 368m^2 đất lập vườn), đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất bà D có số đo 7,85m;

Hướng Tây giáp với lộ xi măng có số đo 7,66m;

Hướng Nam giáp với đất bà H có số đo 54,72m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của bà Q có số đo 54,73m; tại thửa số 03, 04, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

Phần đất trồng lúa: Diện tích 2.087,56m^2, đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất bà Q có số đo 22,75m;

Hướng Tây giáp với phần đất bà H có số đo 24,60m;

Hướng Nam giáp với đất ông M có số đo 92,34m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của bà N có số đo 91,74m; tại thửa số 03, 04 tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

4. Chia cho ông Lê Văn U diện tích 418m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở, diện tích còn lại 368m^2 đất lập vườn), đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp đất ông U (đất trồng lúa) có số đo 7,82m;

Hướng Tây giáp với lộ xi măng có số đo 7,7m;

Hướng Nam giáp với ông D có số đo 54,80m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông L có số đo 54,75m; tại thửa số 02, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

Phần đất trồng lúa: Diện tích 2.087,56m^2, đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất bà H có số đo 25,16m;

Hướng Tây giáp với phần đất ông U, D, Q có số đo 27,36m;

Hướng Nam giáp với bà D có số đo 83,72m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông T có số đo 83,15m; tại thửa số 03, 04, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

5. Chia cho bà Lê Thị H diện tích 418m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở, diện tích còn lại 368m^2 đất lập vườn), đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất của bà D có số đo 7,86m;

Hướng Tây giáp với lộ xi măng có số đo 7,66m;

Hướng Nam giáp với bà N có số đo 54,71m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của bà H có số đo 54,72m; tại thửa số 02, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

Phần đất trồng lúa: Diện tích 2.087,56m^2, đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất bà Q có số đo 22,75m;

Hướng Tây giáp với phần đất bà H có số đo 24,60m;

Hướng Nam giáp với đất ông M có số đo 92,34m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của bà N có số đo 91,74m; tại thửa số 03, 04, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

6. Chia cho bà Lê Thị N diện tích 418m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở, diện tích còn lại 368m^2 đất lập vườn), đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất của bà D có số đo 7,9m;

Hướng Tây giáp với lộ xi măng có số đo 7,66m;

Hướng Nam giáp với đất ông Đ có số đo 54,71m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của bà H có số đo 54,70m; tại thửa số 02, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

Phần đất trồng lúa: Diện tích 2.087,56m^2, đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất bà Q có số đo 22,75m;

Hướng Tây giáp với phần đất của bà H có số đo 23,99m;

Hướng Nam giáp với bà Q có số đo 91,74m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông T có số đo 92,67m; tại thửa số 03, 04, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất). Phần đất hiện nay ông U đang quản lý nên tiếp tục quản lý sử dụng.

7. Bà Lê Thị D được sử dụng 01 cây cao kiểng, 01 cây cóc, 01 cây dừa, 01 cây xoài, 02 cây mít. Buộc bà Lê Thị D có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng cho ông Lê Văn U số tiền là 4.100.000 đồng.

Bà Lê Thị Q được sử dụng 01 cây chanh, 01 cây cóc, 01 cây dừa, 01 cây mít, 02 cây cao kiểng. Buộc bà Lê Thị Q có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng cho ông Lê Văn U số tiền là 2.750.000 đồng.

Bà Lê Thị H được sử dụng 06 cây mít, 01 cây xoài, 02 cây cóc, 01 cây dừa. Buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng cho ông Lê Văn U số tiền là 6.900.000 đồng.

Bà Lê Thị N được sử dụng 06 cây mít, 01 cây xoài.

8. Buộc ông Lê Văn U, bà Phạm Thị Hồng T, chị Lê Thị Tường V, anh Lê Tường L có nghĩa vụ giao cho bà D, bà Q, bà N, bà H các diện tích đất trên (kể cả cay trồng trên đất). Ông Lê Văn U, bà Phạm Thị Hồng T, chị Lê Thị Tường V, anh Lê Tường L được lưu cư thời gian 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực. Buộc ông Lê Văn U có nghĩa vụ di dời những cây mai có trên đất.

9. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Lê Thị D, Lê Thị Q, Lê Ngọc T, Lê Thị Q, Lê Văn S, Lê Thị Q, Lê Văn M, Lê Thị H, Lê Thị N, Lê Văn U đối với phần diện tích đất của cụ Nguyễn Thị H.

Ông Lê Văn U được quyền quản lý sử dụng phần các phần đất ở và đất lập vườn, đất trồng lúa của cụ Nguyễn Thị H gồm:

Diện tích 418m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở, diện tích còn lại 368m^2 đất lập vườn), đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất của ông U có số đo 7,83m;

Hướng Tây giáp với lộ xi măng có số đo 7,66m;

Hướng Nam giáp với bà Q có số đo 54,74m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông U có số đo 54,75m; tại thửa số 02, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

Phần đất trồng lúa: Diện tích 2.087,56m^2, đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất bà N có số đo 23,99m;

Hướng Tây giáp với phần đất ông U có số đo 25,16m;

Hướng Nam giáp với đất bà H có số đo 88,01m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông T có số đo 88,48m; tại thửa số 03, 04, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

Buộc ông Lê Văn U phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị D, bà Lê Thị Q, ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị Q, ông Lê Văn S, bà Lê Thị Q, ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị N mỗi người số tiền là 15.916.000 đồng (giá trị đất).

Các bên đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

10. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Ngọc T đòi ông Lê Văn U trả phần diện tích đường thoát nước diện tích 458,5m^2.

11. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn U đối với số tiền 30.000.000 đồng đã trả cho Ngân hàng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, bà Lê Thị Q kháng cáo yêu cầu công nhận di chúc của cụ Nguyễn Thị H và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, ông Lê Ngọc T kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu độc lập của ông giải quyết về đường nước để sử dụng chung cho việc canh tác.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, bà Lê Thị D kháng cáo yêu cầu công nhận di chúc của cụ Nguyễn Thị H và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, bà Lê Thị N kháng cáo yêu cầu xem xét chấp nhận cho bà được nhận phần thừa kế mà bà được hưởng trong di sản của cụ Nguyễn Thị H chết để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Q, ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị D, Lê Thị Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc T trình bày: Bản án sơ thẩm chia đất nhưng không có nêu rõ tứ cạnh giáp với ai, nên không xác định được vị trí thửa đất. Đối với di chúc của cụ H nay có xác nhận của ông Nguyễn Văn T là trưởng ấp lúc bấy giờ và có xác nhận của ông Phạm Duy C là người viết hộ di chúc, nên có cơ sở xác định phần đất và nhà cụ Hoa đã định đoạt cho bà D và bà Q, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị D, bà Lê Thị Q.

Đối với ông Lê Ngọc T có yêu cầu độc lập được sử dụng đường nước để phục vụ cho canh tác phần đất phía trong, vì đường nước này có từ trước năm 1995 đến nay, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Ngọc T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Lê Thị N có kháng cáo nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Thị N. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị D, bà Lê Thị Q và ông Lê Ngọc T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý

kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N, ông Lê Văn S vắng mặt không rõ lý do; bà Lê Thị Q, ông Lê Văn M, bà Lê Thị H đã có đơn yêu cầu xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét kháng cáo của bà Lê Thị D, bà Lê Thị Q, Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 22/5/2001 cụ H có để lại di chúc thể hiện phần tài sản hiện có để lại cho bà D và bà Q. Trong quá trình tham gia tố tụng các đương sự đều thống nhất xác định tài sản là phần đất theo kết quả đo đạc thực tế ngày 06/4/2018 và ngày 12/8/2019 có diện tích 15.207,4m^2 tọa lạc ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Tại công văn số 183/TNMT ngày 03/12/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H xác định phần đất diện tích 15.207,4m^2 thuộc các thửa 02, 03, 04, tờ bản đồ số 02 được Ủy ban nhân dân huyện V (nay là huyện H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn Thị H. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ cụ Nguyễn Thị H có 06 thành viên gồm cụ Nguyễn Thị H, bà Lê Thị D, bà Lê Thị Q, bà Lê Thị H, bà Lê Thị N, ông Lê Văn U. Do đó, phần diện tích đất nêu trên cụ Hoa không tự mình định đoạt toàn bộ, do đất cấp cho hộ.

Tại phiên tòa, các đương sự là con cụ H đều xác định cụ H không biết chữ, bà D và bà Q cung cấp tờ di chúc ngày 22/5/2001 nhưng cũng không rõ ai là người viết tờ di chúc, nên có căn cứ xác định di chúc không do cụ H lập. Theo quy định tại Điều 659 của Bộ luật Dân sự 1995: "*Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc, thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất là hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc".* Xét thấy, di chúc không có chữ ký của người lập di chúc, không có người chứng kiến ký tên. Vì vậy, di chúc lập ngày 22/5/2001 do bà D và bà Q nộp là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị D, bà Lê Thị Q.

[4] Xét kháng cáo của ông Lê Ngọc T yêu cầu chấp nhận phần đường nước để sử dụng chung. Xét thấy, phần đất ông T yêu cầu ông U trả lại có diện tích 458,5m^2 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị H. Tại phiên tòa, ông T xác định phần đất này là của cụ H chưa cho ông, các đương sự đều xác định phần đất này không thuộc quyền sử dụng của ông T, ngoài ra ông T không có chứng cứ nào khác chứng minh phần đất này là của ông, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T.

[5] Đối với kháng cáo của bà Lê Thị N yêu cầu được chia phần di sản của cụ H, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét chia di sản thừa kế của cụ H cho các con của cụ H, nhưng không chia cho bà N là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, xem như từ bỏ việc kháng cáo, nên căn cứ

khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị N.

[6] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Thị N; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị D, Lê Thị Q và ông Lê Ngọc T; có căn cứ chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm, bà Lê Thị D, Lê Thị Q, ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị N. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị D, Lê Thị Q, ông Lê Ngọc T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2021/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 659 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 212, 609, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 688 Bộ luật Dân sự 2015; điểm a khoản 7 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D, bà Lê Thị Q đối với ông Lê Văn U.

1. Chia cho bà Lê Thị D:

+ Diện tích đất 418m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở, diện tích còn lại 368m^2 đất lập vườn) có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất ông U có số đo 7,84m;

Hướng Tây giáp lộ có số đo 7,66m;

Hướng Nam giáp với đất của bà H có số đo 54,73m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của bà D có số đo 54,74m; tại thửa số 02, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

+ Phần đất trồng lúa: Diện tích 2.087,56m^2, đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất bà H có số đo 26,29m;

Hướng Tây giáp với phần đất bà N, bà H, bà H có số đo 27,25m;

Hướng Nam giáp với đất ông M có số đo 87,74m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông U có số đo 83,72m; tại thửa số 03, 04 tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

2. Chia cho bà Lê Thị Q:

+ Diện tích đất 418m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở, diện tích còn lại 368m^2 đất lập vườn), đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất bà D có số đo 7,85m;

Hướng Tây giáp lộ xi măng có số đo 7,66m;

Hướng Nam giáp với đất bà H có số đo 54,72m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của bà Q có số đo 54,73m; tại thửa số 02, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

+ Phần đất trồng lúa: Diện tích 2.087,56m^2, đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất bà Q có số đo 22,75m;

Hướng Tây giáp với phần đất bà H có số đo 24,60m;

Hướng Nam giáp với đất ông M có số đo 92,34m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của bà N có số đo 91,94m; tại thửa số 03, 04 tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

3. Chia cho ông Lê Văn U:

+ Diện tích đất 418m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở, diện tích còn lại 368m^2 đất lập vườn), đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp đất ông U (đất trồng lúa) có số đo 7,82m;

Hướng Tây giáp với lộ xi măng có số đo 7,7m;

Hướng Nam giáp với ông D có số đo 54,80m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông L có số đo 54,75m; tại thửa số 02, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

+ Phần đất trồng lúa: Diện tích 2.087,56m^2, đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất bà H có số đo 25,16m;

Hướng Tây giáp với phần đất ông U, D, Q có số đo 27,36m;

Hướng Nam giáp với bà D có số đo 83,72m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông T có số đo 83,15m; tại thửa số 03, 04, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

4. Chia cho bà Lê Thị H:

+ Diện tích đất 418m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở, diện tích còn lại 368m^2 đất lập vườn), đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất của bà D có số đo 7,86m;

Hướng Tây giáp với lộ xi măng có số đo 7,66m;

Hướng Nam giáp với bà N có số đo 54,71m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của bà H có số đo 54,72m; tại thửa số 02, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

+ Phần đất trồng lúa: Diện tích 2.087,56m^2, đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất bà Q có số đo 22,75m;

Hướng Tây giáp với phần đất bà H có số đo 24,60m;

Hướng Nam giáp với đất ông M có số đo 92,34m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của bà N có số đo 91,74m; tại thửa số 03, 04, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

5. Chia cho bà Lê Thị N:

+ Diện tích đất 418m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở, diện tích còn lại 368m^2 đất lập vườn), đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất của bà D có số đo 7,9m;

Hướng Tây giáp với lộ xi măng có số đo 7,66m;

Hướng Nam giáp với đất ông Đ có số đo 54,71m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông U có số đo 54,70m; tại thửa số 02, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

+ Phần đất trồng lúa: Diện tích 2.087,56m^2, đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất bà Q có số đo 22,75m;

Hướng Tây giáp với phần đất của bà H có số đo 23,99m;

Hướng Nam giáp với bà Q có số đo 91,74m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông T có số đo 92,67m; tại thửa số 03, 04, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

6. Bà Lê Thị D được sử dụng 01 cây cao kiểng, 01 cây cóc, 01 cây dừa, 01 cây xoài, 02 cây mít. Buộc bà Lê Thị D có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng cho ông Lê Văn Út số tiền là 4.100.000 đồng.

7. Bà Lê Thị Q được sử dụng 01 cây chanh, 01 cây cóc, 01 cây dừa, 01 cây mít, 02 cây cao kiểng. Buộc bà Lê Thị Q có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng cho ông Lê Văn U số tiền là 2.750.000 đồng.

8. Bà Lê Thị H được sử dụng 06 cây mít, 01 cây xoài, 02 cây cóc, 01 cây dừa. Buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng cho ông Lê Văn U số tiền là 6.900.000 đồng.

9. Bà Lê Thị N được sử dụng 06 cây mít, 01 cây xoài. Buộc bà Nhanh có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng cho ông Lê Văn U số tiền 5.200.000 đồng.

10. Buộc ông Lê Văn U, bà Phạm Thị Hồng T, chị Lê Thị Tường V, anh Lê Tường L có nghĩa vụ giao cho bà D, bà Q, bà N, bà H các diện tích đất trên (kể cả cây trồng trên đất). Ông Lê Văn U, bà Phạm Thị Hồng T, chị Lê Thị Tường V, anh Lê Tường L được lưu cư thời gian 03 tháng kể từ ngày án có hiệu lực. Buộc ông Lê Văn U có nghĩa vụ di dời những cây mai có trên đất.

II. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Lê Thị D, Lê Thị Q, Lê Ngọc T, Lê Thị Q, Lê Văn S, Lê Thị Q, Lê Văn M, Lê Thị H, Lê Thị N, Lê Văn U đối với phần diện tích đất của cụ Nguyễn Thị H.

1. Ông Lê Văn U được quyền quản lý sử dụng các phần đất ở và đất lập vườn, đất trồng lúa của cụ Nguyễn Thị H gồm:

+ Diện tích 418m^2 (trong đó có 50m^2 đất ở, diện tích còn lại 368m^2 đất lập vườn), đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất của ông U có số đo 7,83m;

Hướng Tây giáp với lộ xi măng có số đo 7,66m;

Hướng Nam giáp với bà Q có số đo 54,74m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của bà H có số đo 54,75m; tại thửa số 02, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị Hoa đứng tên quyền sử dụng đất).

+ Phần đất trồng lúa: Diện tích 2.087,56m^2, đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất bà N có số đo 23,99m;

Hướng Tây giáp với phần đất ông U có số đo 25,16m;

Hướng Nam giáp với đất bà H có số đo 88,01m;

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông T có số đo 88,48m; tại thửa số 03, 04, tờ bản đồ số 02, đất tọa lạc tại ấp M, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (đất do hộ cụ Nguyễn Thị H đứng tên quyền sử dụng đất).

2. Buộc ông Lê Văn U phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị D, bà Lê Thị Q, ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị Q, ông Lê Văn S, bà Lê Thị Q, ông Lê Văn M, bà Lê Thị H, bà Lê Thị N mỗi người số tiền là 15.916.000 đồng (giá trị đất).

Các bên đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

III. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Ngọc T đòi ông Lê Văn U trả phần diện tích đường thoát nước diện tích 458,5m^2.

IV. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn U đối với số tiền 30.000.000 đồng đã trả cho Ngân hàng.

V. Chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản bà Lê Thị Q, Lê Thị D, Lê Văn U, Lê Thị H, Lê Thị N mỗi người phải chịu 160.000 đồng; bà Q đã nộp 800.000 đồng và đã chi hết. Buộc ông U, bà D, bà H, bà N mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Q số tiền 160.000 đồng.

VI. Chi phí, xem xét thẩm định và định giá tài sản ông Lê Ngọc T phải chịu số tiền 1.855.000 đồng; Ông T đã dự nộp xong và đã chi hết.

VII. Chi phí, xem xét thẩm định và định giá tài sản ông Lê Văn U phải chịu số tiền 1.350.000 đồng; Ông U đã dự nộp xong và đã chi hết.

VIII. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Q, bà D, ông U, bà H, bà N mỗi người phải chịu 9.170.555 đồng; ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị Q, ông Lê Văn S, bà Lê Thị Q, ông Lê Văn M phải chịu 795.805 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Bà Danh đã dự nộp tạm ứng án phí 5.557.000 đồng tại biên lai thu số 0003265 ngày 08/11/2016 được chuyển thu án phí và nộp thêm số tiền

3.541.000 đồng; bà Q đã dự nộp tạm ứng án phí 5.557.000 đồng tại biên lai thu số 0003268 ngày 09/11/2016 được chuyển thu án phí và nộp thêm số tiền 3.541.000 đồng. Ông T phải chịu 300.000 đồng, ông T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003790 ngày 15/12/2017 được chuyển thu án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị D, Lê Thị Q, ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị N mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Bà Lê Thị D, bà Lê Thị Q, ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị N mỗi người đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0002836, 0002837, 0002835, 0002845 cùng ngày 28/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

IX. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

X. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Dũng